

TÒA ÁN NHÂN DÂN

HUYỆN DX
TỈNH QUẢNG NAM

Bản án số: 38/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 25/02/2021.

V/v Không công nhận vợ chồng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DX, TỈNH QUẢNG NAM.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Tám.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Minh Yên.

2. Ông Lưu Văn Quân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Luông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện DX.

Ngày 25 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện DX xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 235/2020/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2020 về “Không công nhận vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1975, địa chỉ: KP PX, Thị trấn NP, huyện DX, tỉnh Quảng Nam.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1975, địa chỉ: KP PX, Thị trấn NP, huyện DX, tỉnh Quảng Nam.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện lập ngày 27/11/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Quang T chung sống với nhau năm 2006 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong thời gian chung sống giữa ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do ông T không lo làm ăn, thường xuyên cờ bạc, số đề dẫn đến nợ nần. Bà L đã nhiều lần giải quyết khuyên can nhưng ông T vẫn không thay đổi. Thời gian gần đây ông T đã có quan hệ ngoại tình với

người phụ nữ khác và ông bà không còn chung sống với nhau. Bà L xét thấy không còn tình cảm với ông T và không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông T.

Về con chung: quá trình chung sống ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 16/6/2007 và Nguyễn Quang D, sinh ngày 17/01/2009. Bà L có nguyện vọng nuôi hai con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu giải quyết;

Về nghĩa vụ chung: không có.

Tại văn bản trả lời ý kiến lập ngày 25/01/2021 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Quang T trình bày:

Ông T thừa nhận ông và bà Nguyễn Thị L chung sống với nhau từ năm 2006 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do ông hay bài bạc nên dẫn đến việc bà L muốn ly hôn. Ông đồng ý với ý kiến bà L đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà L.

Về con chung: Ông và bà L có 02 con chung như ý kiến của bà L khai là đúng. Ông đồng ý giao 2 con cho bà L nuôi dưỡng. Ông không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu giải quyết;

Về nghĩa vụ chung: không có.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Tòa án nhân dân huyện DX thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng các thủ tục tố tụng, xác định tư cách tố tụng theo đúng quy định; thời hạn chuẩn bị xét xử, việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo đúng thời gian. Hội đồng xét xử thực hiện các hoạt động tố tụng tại phiên tòa theo đúng quy định. Các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Quang T. Giao cháu 2 cháu Nguyễn Quỳnh Như và Nguyễn Quang Duy cho bà L nuôi dưỡng.

Các tài liệu chứng cứ của vụ án gồm:

- Đơn ly hôn và bản khai
- Bản sao giấy khai sinh của Nguyễn Quỳnh N và Nguyễn Quang D.
- Đơn đề nghị xác nhận tình trạng hôn nhân của vợ chồng.
- Bản sao giấy chứng minh nhân dân.
- Bản sao sổ hộ khẩu.
- Văn bản trả lời ý kiến của ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Quang T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006 đến nay và không đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông bà là không hợp pháp. Vì vậy giữa ông bà không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng theo Luật Hôn nhân gia đình. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bà L và ông T xét thấy mâu thuẫn trong đời sống chung đã trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung nên bà L và ông T thống nhất đề nghị Tòa án không công nhận vợ chồng. Vì vậy căn cứ theo quy định tại Điều 14, Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Quang T.

[2] Về con chung: quá trình chung sống ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 16/6/2007 và Nguyễn Quang D, sinh ngày 17/01/2009. Bà L có nguyện vọng được nuôi con. Ông T thống nhất giao con cho bà L nuôi dưỡng. Các con có nguyện vọng ở với mẹ nên giao 2 con chung cho bà L nuôi dưỡng là phù hợp.

Bà L không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Bà L và ông T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Áp dụng Khoản 4 Điều 147 BLTTDS và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 321/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 14, Điều 53, Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Quang T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 16/6/2007 và Nguyễn Quang D, sinh ngày 17/01/2009 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 4768 ngày 30/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện DX.

Trường hợp Quyết định, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25/02/2021). Ông Nguyễn Quang T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh QNam
- VKSND huyện DX.
- Chi cục THADS huyện DX.
- UBND Thị trấn NP.
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu HS, Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Tám